

VAI TRÒ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

I. Mở đề:

- Lịch sử tiến hóa của loài người đã ghi nhận rằng, muốn tồn tại và phát triển, con người phải không ngừng phát minh và khám phá khoa học kỹ thuật. Việc cải thiện cuộc sống, tăng năng suất lao động, thay đổi nhận thức, bảo vệ sự tồn tại của loài người trước sự đe dọa của tự nhiên hoặc thay đổi khí hậu luôn là những vấn đề cấp bách.
- Các nhà khoa học toàn cầu đã có chung nhận định về những phát minh vĩ đại làm thay đổi thế giới. Sau các phát minh đó, loài người tiến thêm được những bước rất dài trên con đường tiến hóa. Các tiến hóa của văn minh loài người dựa trên các phát minh: tìm ra lửa, phát minh ra động cơ hơi nước và máy tính điện tử
- Lửa là thứ năng lượng đầu tiên mà con người có thể sử dụng và được xem là tiêu chuẩn để làm người (bởi lẽ hầu hết các động vật đều sợ lửa). Lửa đã giúp con người thoát khỏi lối sống hoang dã của động vật, dẫn đến sự hình thành xã hội nguyên thủy và thúc đẩy sản xuất của cải vật chất. Nếu so với việc phát minh ra máy hơi nước thì vai trò của việc tìm ra lửa còn to lớn hơn.



Lửa giúp con người thoát khỏi lối sống hoang dã

- Nhà khoa học James Watt phát minh ra động cơ hơi nước vào cuối thế kỷ 18. Sự ra đời của động cơ hơi nước là động lực diễn ra cuộc đại cách mạng công nghiệp. Văn minh con người chuyển từ văn minh nông nghiệp sang văn minh công nghiệp



Máy chạy bằng động cơ hơi nước

- Khoa học về máy tính điện tử ra đời vào vào 1946. Máy vi tính đã giúp tạo nên nhiều phát kiến khoa học mới và những đột phá về công nghệ trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên. Nó cũng là công cụ tuyệt vời nhất mà con người có thể sử dụng để thực hiện những việc mà trước kia chỉ có thể là giấc mơ như: thám hiểm đáy đại dương, du hành vũ trụ, dự báo thiên tai... Máy tính điện tử đang đưa con người dần đến một nền văn minh mới gọi là văn minh hậu công nghiệp hay văn minh trí tuệ.



Khoa học máy tính, làn sóng văn minh thứ 3 của loài người

- Rõ ràng, không có khoa học thì không có tri thức, không có nền văn minh. Và không có thì ca thì không có chất thơ, cái đẹp và sự lãng mạn. Khoa học sẽ làm thế giới hùng mạnh còn nghệ thuật cứu vớt thế giới bằng cách làm tâm hồn con người đẹp hơn, cao thượng hơn.

II. Khái niệm:

- **Khoa học:**

- Khoa học được hiểu là hệ thống những tri thức về mọi loại qui luật của vật chất, qui luật về xã hội tư duy. Khoa học được hiểu là một hệ thống tri thức về tự nhiên xã hội và tư duy về những qui luật phát triển khách quan của tự nhiên, xã hội và tư duy. Nó giải thích một cách đúng đắn nguồn gốc của những sự kiện ấy, phát hiện ra những mối liên hệ của các hiện tượng, vũ trang cho con người những tri thức về qui luật khách quan của thế giới hiện thực để con người áp dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống.
- Khoa học còn được hiểu là một hoạt động xã hội nhằm tìm tòi, phát hiện qui luật, hiện tượng và vận dụng các qui luật ấy để sáng tạo ra nguyên lý các các giải pháp tác động vào các sự vật, hiện tượng, nhằm biến đổi trạng thái của chúng.
- Người ta vẫn nói rằng khoa học là động lực thúc đẩy sự phát triển xã hội, làm cho con người ngày càng văn minh hơn, nhân ái hơn, sống tốt hơn và vững tin hơn vào chính bản thân mình trong cuộc sống.
- Cụ thể những nội dung đó là: - Con người hiểu được tự nhiên, nắm được các qui luật biến đổi, chuyển hóa của vật chất, chinh phục tự nhiên theo qui luật của nó. - Con người nắm được các qui luật vận động của chính xã hội mình đang sống và vận dụng chúng để thúc đẩy xã hội ấy phát triển nhanh chóng hơn. - Con người ngày càng có ý thức, càng thận trọng hơn trong việc nhận thức khoa học: không vội vã, không ngộ nhận, không chủ quan, tiến vững chắc đến chân lí của tự nhiên. - Khoa học chân chính chống lại những quan điểm sai trái (mê tín dị đoan, phân biệt chủng tộc...). - Khoa học làm giảm nhẹ lao động của con người, cải thiện chất lượng cuộc sống.

GS. Nguyễn Văn Lê: Phương pháp luận nghiên cứu khoa học. Nhà xuất bản trẻ, 1995, trang 12.

- **Nghiên cứu khoa học**

- Kho tàng tri thức của loài người ngày một nhiều là do các thế hệ con người nối tiếp nhau làm nên, trong đó, chủ yếu là kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học. Vậy, nghiên cứu khoa học là gì ?
- **Nghiên cứu** là một công việc mang tính chất tìm tòi, xem xét cặn kẽ một vấn đề nào đó để nhận thức nó hoặc để giảng giải cho người khác rõ. Ví dụ: nghiên cứu một bài toán, nghiên cứu một câu nói để hiểu nó, nghiên cứu bảng giờ tàu để tìm chuyến đi thích hợp cho mình. Nghiên cứu có hai dấu hiệu: - Con người làm việc (tìm kiếm) tự lực (cá nhân hoặc nhóm) - Tìm ra cái mới cho chủ thể, cho mọi người. Nếu đối tượng của công việc

là một vấn đề khoa học thì công việc ấy gọi là nghiên cứu khoa học. Nếu con người làm việc, tìm kiếm, tụy xét một vấn đề nào đó một cách có phương pháp thì cũng có thể gọi là nghiên cứu khoa học.

- Nghiên cứu khoa học là sự tìm tòi, khám phá bản chất các sự vật (tự nhiên, xã hội, con người), nhằm thỏa mãn nhu cầu nhận thức, đồng thời sáng tạo các giải pháp tác động trở lại sự vật, biến đổi sự vật theo mục đích sử dụng.
- Nghiên cứu khoa học là một hoạt động xã hội, với chức năng tìm kiếm những điều mà khoa học chưa biết, hoặc là phát hiện bản chất sự vật, phát triển nhận thức khoa học về thế giới; hoặc là sáng tạo phương pháp mới và phương tiện kỹ thuật mới để cải tạo thế giới.
- Nghiên cứu khoa học, theo Dương Thiệu Tống là một hoạt động tìm hiểu có tính hệ thống đạt đến sự hiệu biết được kiểm chứng. Nó là một hoạt động nỗ lực có chủ đích, có tổ chức nhằm thu thập những thông tin, xem xét kỹ , phân tích xếp đặt các các dữ kiện lại với nhau rồi rồi đánh giá các thông tin ấy bằng con đường qui nạp và diễn dịch.
- Cũng theo những quan điểm trên, Vũ Cao Đàm cho rằng nghiên cứu khoa học nói chung là nhằm thỏa mãn về nhu cầu nhận thức và cải tạo thế giới đó là: - Khám phá những thuộc tính bản chất của sự vật và hiện tượng - Phát hiện qui luật vận động của sự vật và hiện tượng - Vận dụng qui luật để sáng tạo giải pháp tác động lên sự vật hiện tượng
- Nghiên cứu khoa học là một quá trình sử dụng những phương pháp khoa học, phương pháp tư duy, để khám phá các hiện tượng, phát hiện qui luật để nâng cao trình độ hiểu biết, để giải quyết những nhiệm vụ lý luận hay thực tiễn, các đề xuất trên cơ sở kết quả nghiên cứu.

III. Vai trò nghiên cứu trong y học:

Nghiên cứu có tầm quan trọng rất lớn trong việc phát triển kiến thức nghề nghiệp và nâng cao chất lượng chăm sóc cụ thể là:

- a. Tạo ra kiến thức mới: trong nhiều lĩnh vực đôi khi kiến thức của chúng ta không đầy đủ, thiếu hụt cần được bù đắp. Nghiên cứu được coi là quá trình truy tìm kiến thức mới. Những kiến thức mới chúng ta có được bằng nhiều cách khác nhau, nghiên cứu khoa học mang lại kiến thức có độ tin cậy để hướng dẫn thực hành cho mọi người. Những kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp chúng ta có được hiện nay là quá trình tích lũy từ học tập ở trường, kinh nghiệm của cá nhân, từ bắt trước các chuyên gia và ứng dụng kiến thức từ các lĩnh vực khác. Những câu hỏi được đặt ra là: bao nhiêu kiến thức và thực hành điều dưỡng của bạn hiện nay dựa vào bằng chứng? những kiến thức và thực hành nào không còn phù hợp? những

thực hành nào gây sự quan tâm của bạn về độ tin cậy cần phải nghiên cứu thêm? chắc chắn chúng ta chưa có câu trả lời đầy đủ để mô tả bức tranh hiện thực về kiến thức và thực hành điều dưỡng hiện nay

- b. Nâng cao chất lượng và sự an toàn của các dịch vụ chăm sóc: thực hành dựa vào bằng chứng là một nguyên tắc tiếp cận mới đang được áp dụng trong nhiều lĩnh vực nhất là lĩnh vực y học. Những dịch vụ chăm sóc và kỹ thuật do người điều dưỡng cung cấp liên quan trực tiếp tới sức khoẻ và tính mạng con người, vì thế kiến thức và thực hành điều dưỡng phải có cơ sở khoa học vững chắc và chính xác. Thực hành dựa vào bằng chứng là trách nhiệm nghề nghiệp và đạo đức của người điều dưỡng nhằm đảm bảo an toàn cho người nhận dịch vụ chăm sóc. Nghiên cứu điều dưỡng là phương tiện khách quan, hệ thống và đáng tin cậy nhất để tạo ra bằng chứng hướng dẫn thực hành chăm sóc lâm sàng và qua đó nâng cao chất lượng về sự an toàn của các dịch vụ điều dưỡng.
- c. Tăng cường giá trị nghề nghiệp: theo quan niệm cũ điều dưỡng là một nghề phụ thuộc, người điều dưỡng thực hành theo y lệnh của bác sỹ. Ngày nay trước nhu cầu chăm sóc sức khoẻ ngày càng tăng và áp dụng các thành tựu khoa học mới vào y học ngày càng nhiều đòi hỏi người điều dưỡng phải nâng cao tính chuyên nghiệp. Tổ chức y tế thế giới đã khuyến cáo dịch vụ chăm sóc do điều dưỡng và hộ sinh cung cấp là một trong những trụ cột của hệ thống dịch vụ y tế. Vì vậy người điều dưỡng cần được khuyến khích làm nghiên cứu để phát triển kiến thức nghề nghiệp, đồng thời chứng tỏ sự đóng góp của họ sẽ tạo ra khác biệt trong chăm sóc sức khoẻ nhân dân. Như vậy, nghiên cứu không những góp phần tăng cường uy tín nghề nghiệp mà còn làm cho xã hội đánh giá đúng mức giá trị của các dịch vụ chăm sóc và vị thế của người điều dưỡng.
- d. Tăng cường hiệu quả chi phí trong lĩnh vực chăm sóc: một chương trình y tế được đánh giá hiệu quả khi nó mang lại nhiều lợi ích mà chỉ sử dụng một lượng kinh phí nào đó. Việc phân tích chi phí sẽ giúp chúng ta đánh giá được hiệu quả dịch vụ chăm sóc hoặc một trường trình y tế. Dưới thời bao cấp những người làm lâm sàng ít quan tâm tới yếu tố kinh tế trong y tế. Ngày nay, do chi phí trả cho dịch vụ y tế ngày càng cao làm cho các nhà quản lý y tế và người bệnh quan tâm ngày càng nhiều tới chi phí cho các loại dịch vụ y tế mà họ nhận được. Hơn nữa, hệ thống bệnh viện đang từng bước chuyển dịch tiến tới tự chủ về tài chính theo chủ trương của Nhà nước, đặt ra yêu cầu không chỉ đối với người quản lý bệnh viện mà cả thầy thuốc và điều dưỡng lâm sàng cũng phải quan tâm tới vấn đề chi phí tức là tăng thêm một đồng đóng góp vào công quỹ của bệnh viện hoặc để hỗ trợ người nghèo. Chính vì vậy mà điều dưỡng cần phải nghiên cứu đánh giá hiệu quả

chi phí trong lĩnh vực chăm sóc người bệnh, để các nguồn lực hạn hẹp của bệnh viện được sử dụng hiệu quả nhất.

IV. NHỮNG YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI NCKH: Ai là người có thể NCKH ?

Đó là những người:

- **Có trình độ chuyên môn:** Không thể nói rằng NCKH là công việc của những người có học thức song những người chưa đủ trình độ học vấn tối thiểu thì không thể NCKH được. Nếu vì lý do nào đó mà những người này cần NCKH thì chắc chắn họ phải đọc thêm, học hỏi thêm về chuyên môn. Nếu không thì những gì họ tìm thấy (là mới, là đúng) thì cũng chỉ dừng lại ở kinh nghiệm. Những kinh nghiệm quý báu ấy cần được kiểm tra, xác định phạm vi ứng dụng... của người có chuyên môn. Đôi khi người NCKH không những cần kiến thức của lĩnh vực mình mà còn cần kiến thức trong những lĩnh vực gần gũi hoặc có liên quan. Ngoài ra, người làm công tác NCKH cần có kỹ năng sử dụng máy móc, thiết bị kỹ thuật để công việc được tiến triển nhanh hơn, kết quả chính xác hơn.
- **Có phương pháp làm việc khoa học:**
 - Khả năng và phương pháp tư duy.
 - Khả năng phát hiện vấn đề và nhìn nhận vấn đề bắt đầu nghiên cứu.
 - Khả năng thu và xử lý, số liệu: thu số liệu bằng phương tiện gì, cách thu số liệu, cách phân tích, lọc lựa số liệu....
 - Khả năng vạch kế hoạch làm việc thật khoa học, tiết kiệm thời gian và kinh tế.
 - Khả năng trình bày vấn đề khoa học: có kỹ thuật, rõ, dễ hiểu.
- **Có các đức tính của một nhà khoa học chân chính:**
 - Say mê khoa học.
 - Nhạy bén với sự kiện xảy ra.
 - Cẩn thận khi làm việc.
 - Kiên trì nghiên cứu.
 - Trung thực với kết quả.

V. Nghiên cứu điều dưỡng:

a. Lịch sử:

i. Từ thời Florence Nightingale đến những năm 1960

- Người ta cho rằng Florence Nightingale là người khởi đầu nghiên cứu điều dưỡng. Trên cơ sở phân tích các yếu tố tác động đến tỷ lệ tử vong của người lính trong chiến tranh Crime, Nightingale đã thành công trong việc tác động vào các yếu tố môi trường để làm giảm tỉ lệ tử vong của thương binh từ 42% xuống còn 2,2 %.
- Sau Nightingale, trong y văn đề cập rất ít đến nghiên cứu điều dưỡng. Cho mãi tới đầu thế kỷ XX, các nghiên cứu tập chung vào

lĩnh vực giáo dục điều dưỡng, nhận dạng bản chất nghề nghiệp điều dưỡng, vai trò, chức năng điều dưỡng...

- Từ sau những năm 1950, nghiên cứu điều dưỡng phát triển với tốc độ rất nhanh do ngày càng có nhiều điều dưỡng viên được đào tạo ở trình độ cử nhân và sau đại học. Giai đoạn này xuất hiện nhu cầu nghiên cứu thực hành điều dưỡng lâm sàng và trong một số tài liệu điều dưỡng đã đề cập tới việc thực hành dựa vào bằng chứng. Chính phủ các nước đã hỗ trợ kinh phí để thực hiện các nghiên cứu điều dưỡng và đã có nhiều nội san được phát hành về nghiên cứu điều dưỡng như ở Mỹ, Canada và Anh quốc. Từ năm 1963 các nghiên cứu điều dưỡng đã được đăng tải trên các tạp trí nghiên cứu điều dưỡng quốc tế.

ii. Nghiên cứu điều dưỡng từ những năm 1970 đến nay

- Sau những năm 1970, số lượng các nghiên cứu điều dưỡng ngày càng gia tăng và có thêm các tạp trí nghiên cứu điều dưỡng được ra đời ở Mỹ và Anh quốc để đăng tải các báo cáo nghiên cứu điều dưỡng. Nội dung nghiên cứu điều dưỡng trong giai đoạn này chuyển hướng từ lĩnh vực đào tạo, quản lý sang thực hành chăm sóc và ngày càng quan tâm tới việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực hành chăm sóc người bệnh.
- Sau những năm 1980, những sự kiện nổi bật trong nghiên cứu điều dưỡng là: (1) đã có tổng kết đề tài nghiên cứu; (2) chính phủ một số nước đã đầu tư ngân sách quốc gia cho nghiên cứu điều dưỡng như ở Mỹ, Canada, Anh quốc; (3) Trung tâm nghiên cứu điều dưỡng quốc gia được thành lập ở Mỹ “National CenterFor Nursing Research. NCNR”. Sự ra đời của Trung tâm quốc gia nghiên cứu điều dưỡng đã thúc đẩy nghiên cứu điều dưỡng phát triển ngang tầm với các lĩnh vực nghiên cứu khác trong y tế.
- Từ sau những năm 1990 đến nay các hội nghị nghiên cứu điều dưỡng quốc tế đã được tổ chức và nghiên cứu điều dưỡng trọng tâm vào các lĩnh vực như HIV/AIDS, các mô hình điều dưỡng dựa vào cộng đồng, đánh giá hiệu quả thử nghiệm các can thiệp điều dưỡng đối với người bệnh HIV/AIDS, người bệnh mạn tính và đánh giá hiệu quả các can thiệp trong lĩnh vực nâng cao sức khoẻ.

b. Khái niệm:

- i. Nghiên cứu điều dưỡng là một bộ phận của nghiên cứu y học. Mục đích nghiên cứu điều dưỡng nhằm sàng lọc, phát triển và mở rộng kiến thức nghề nghiệp và dựa vào các bằng chứng tin cậy để cải tiến thực hành điều dưỡng.

- ii. Nghiên cứu điều dưỡng là môn học về các phương pháp quan sát, can thiệp, diễn giải và trình bày kết quả một cách khách quan, chính xác và hệ thống.

c. Phạm vi nghiên cứu của điều dưỡng

- i. Ngành điều dưỡng có bốn lĩnh vực rất cơ bản đó là:
 - Giáo dục điều dưỡng
 - Thực hành điều dưỡng
 - Quản lý điều dưỡng
 - Nghiên cứu điều dưỡng.
- ii. Nghiên cứu điều dưỡng có ý nghĩa rất quan trọng, tác động vào sự phát triển chung của các lĩnh vực giáo dục, thực hành và quản lý điều dưỡng. Đặc biệt khi điều dưỡng đã trở thành một ngành học, được đưa vào giảng dạy ở bậc đại học và sau đại học thì vai trò của nghiên cứu điều dưỡng lại càng thiết yếu. Ngành điều dưỡng cần tạo ra những kiến thức và những lý luận đặc trưng với chuyên ngành của mình, cần phát triển môn điều dưỡng học để giảm bớt vay mượn kiến thức từ các chuyên ngành khác trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe.

d. Các giải pháp tăng cường nghiên cứu điều dưỡng

Hội điều dưỡng Việt nam khuyến cáo các giải pháp tăng cường nghiên cứu điều dưỡng như sau:

- i. Đào tạo về phương pháp nghiên cứu điều dưỡng. Một trong những khó khăn cho điều dưỡng viên bắt tay vào làm nghiên cứu là chưa biết bắt đầu từ đâu và cách tiến hành như thế nào. Do đó muốn khuyến khích điều dưỡng viên làm nghiên cứu cần đào tạo để tạo khả năng nghiên cứu. Hiện nay, các chương trình đào tạo điều dưỡng cao đẳng và đại học đều đã được bổ sung thêm môn học về nghiên cứu điều dưỡng. Ngoài ra, các lớp học ngắn hạn về phương pháp nghiên cứu điều dưỡng do Hội điều dưỡng Việt Nam, các Sở Y tế và các bệnh viện tổ chức chắc chắn sẽ không chỉ tạo năng lực nghiên cứu mà còn thúc đẩy điều dưỡng bắt tay vào làm nghiên cứu.
- ii. Thiết lập bằng chứng vững chắc thông qua chiến lược nghiên cứu khẳng định. Người ta không thể thực hiện một cải tiến về quy trình kỹ thuật hoặc ứng dụng mới nếu chỉ dựa trên kết luận của một nghiên cứu hay một tác giả. Vì vậy, thực hiện nghiên cứu khẳng định trên các nhóm người bệnh khác nhau, trong các cơ sở thực hành khác nhau và vào thời điểm khác nhau là cần thiết để đảm bảo tính khách quan và khoa học của các kết quả

nghiên cứu. Có thể thực hiện chiến lược nghiên cứu khẳng định nghiên cứu bằng cách các nhà nghiên cứu cùng phối hợp thực hiện nghiên cứu tại các thời điểm khác nhau.

- iii. Thực hành dựa vào bằng chứng “Evidense Based Practise”. Điều dưỡng viên được khuyến khích áp dụng những kết quả nghiên cứu vào thực hành hay còn gọi là thực hành dựa vào bằng chứng. ở Canada chính phủ đã đầu tư 5 triệu đôla Canada để khuyến khích điều dưỡng nghiên cứu đưa ra các bằng chứng cải thiện thực hành điều dưỡng lâm sàng.
- iv. Tăng cường phổ biến kết quả nghiên cứu. Sử dụng rộng rãi các kênh thông tin như: nội san, tạp chí chuyên ngành, Internet là phương tiện truyền thông rất có hiệu quả để tăng cường phổ biến và sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học điều dưỡng ở các bệnh viện, các tỉnh, cấp quốc gia và quốc tế là các giải pháp quan trọng để phổ biến các kết quả nghiên cứu và khuyến khích áp dụng các kết quả nghiên cứu vào thực hành. Kể từ năm 2005, trong tiêu chuẩn kiểm tra bệnh viện hàng năm đã đặt ra yêu cầu tổ chức Hội nghị khoa học hàng năm cho điều dưỡng.
- v. Mỗi bệnh viện hoặc cơ sở y tế phân công một điều dưỡng phụ trách công tác nghiên cứu điều dưỡng. Cần lựa chọn một điều dưỡng có trình độ và có nhiệt huyết để đề xuất kế hoạch nghiên cứu điều dưỡng và triển khai áp dụng các kết quả nghiên cứu vào thực hành điều dưỡng.